

GRADE 6.3 – HKI.

Name: _____. Class: _____

I. Cho dạng so sánh hơn của từ dưới đây

Number	Adjectives (Tính từ)	Comparative form (Dạng so sánh hơn)
1	Fast (nhanh)	
2	Beautiful (đẹp)	
3	Big (to, lớn)	
4	Noisy (ồn ào)	
5	Expensive (đắt)	
6	Hot (nóng)	
7	Exciting (thú vị)	
8	Quiet (yên tĩnh)	
9	Heavy (nặng)	
10	Simple (đơn giản)	
11	Happy (vui vẻ)	
12	Large (rộng)	
13	Good (tốt, giỏi)	
14	Bad (xấu, tệ)	
15	Old (già, cũ)	

II. Điền từ thích hợp

railway station

art gallery

cathedral

temple

square



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____